*TRƯỜNG THPT CẦN ĐƯỚC*

# SỔ THEO DÕI THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2024

| NGÀY | SCT | | DIỄN GIẢI | PHẦN THU | | PHẦN CHI | | PHẦN TỒN NS | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | THU | CHI | | NGÂN SÁCH | RÚT NS | NGÂN SÁCH | NỘP KB | T. MẶT | K. BẠC |
| | | | **SDĐK** | | | | | **0** | **14.634.658.569** |
| 02/04/2024 | | 01/4 | Lương tháng 04/2024 | | 753.633.252 | 753.633.252 | | | |
| 02/04/2024 | | 02/4 | BHXH, BHYT, BHTN tháng 04/2024 | | 209.510.591 | 209.510.591 | | | |
| 02/04/2024 | | 03/4 | KPCĐ tháng 04/2024 | | 13.094.412 | 13.094.412 | | | |
| 02/04/2024 | | 04/4 | Phí chuyển tiền qua tài khoản thẻ tháng 04/2024 | | 247.500 | 247.500 | | | |
| 09/04/2024 | | 05/4 | Tiền công cắt tỉa cây xanh | | 9.420.000 | 9.420.000 | | | |
| 09/04/2024 | | 06/4 | Văn phòng phẩm | | 6.290.000 | 6.290.000 | | | |
| 15/04/2024 | | 08/4 | Sửa máy photo | | 6.504.507 | 6.504.507 | | | |
| 15/04/2024 | | 09/4 | Văn phòng phẩm, giấy in | | 2.133.000 | 2.133.000 | | | |
| 15/04/2024 | | 10/4 | Nước uống hội đồng coi thi học sinh giỏi | | 2.200.000 | 2.200.000 | | | |
| 15/04/2024 | | 11/4 | Thuê máy phát điện phục vụ hội đồng thi HSG | | 1.540.000 | 1.540.000 | | | |
| 15/04/2024 | | 12/4 | Thuê phòng ngủ GV đi chấm thi học sinh giỏi | | 2.079.000 | 2.079.000 | | | |
| 22/04/2024 | | 13/4 | Tiền rác tháng 3,4/2024 | | 3.043.638 | 3.043.638 | | | |
| 22/04/2024 | | 14/4 | Văn phòng phẩm, giấy in, phấn trắng, phấn màu | | 3.681.000 | 3.681.000 | | | |
| 22/04/2024 | | 15/4 | Tiền báo quý 2/2024 | | 1.216.400 | 1.216.400 | | | |
| 22/04/2024 | | 16/4 | Bồi dưỡng hội đồng coi thi HSG | | 18.940.000 | 18.940.000 | | | |
| 22/04/2024 | | 07/4 | Giấy thi, giấy nháp, bì đựng bài thi, sổ đăng ký, sổ mượn sách. | | 2.541.001 | 2.541.001 | | | |
| 23/04/2024 | | 17/4 | Lương tháng 05/2024 | | 753.633.252 | 753.633.252 | | | |
| 23/04/2024 | | 18/4 | BHXH, BHYT, BHTN tháng 05/2024 | | 209.510.591 | 209.510.591 | | | |
| 23/04/2024 | | 19/4 | KPCĐ tháng 05/2024 | | 13.094.412 | 13.094.412 | | | |
| 23/04/2024 | | 20/4 | Phí chuyển tiền qua tài khoản thẻ tháng 05/2024 | | 247.500 | 247.500 | | | |
| 10/05/2024 | | 01/5 | Tiếp khách | | 1.611.360 | 1.611.360 | | | |
| 10/05/2024 | | 02/5 | Mua bóng đá động lực, bóng chuyền, vợt cầu lông, bóng rổ | | 19.321.200 | 19.321.200 | | | |
| 14/05/2024 | | 02/5 | Công tác phí | | 4.480.000 | 4.480.000 | | | |
| 24/05/2024 | | 04/5 | Tiền rác tháng 05/2024 | | 1.521.819 | 1.521.819 | | | |
| 28/05/2024 | | 03/5 | In bao thư lớn, nhỏ | | 1.350.000 | 1.350.000 | | | |
| 05/06/2024 | | 01/6 | Lương tháng 06/2024 | | 773.003.843 | 773.003.843 | | | |
| 05/06/2024 | | 02/6 | BHXH, BHYT, BHTN tháng 06/2024 | | 214.044.864 | 214.044.864 | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 05/06/2024 | | ;03/6 | KPCĐ tháng 06/2024 | | 13.377.804 | 13.377.804 | | | |
| 05/06/2024 | | 04/6 | Phí chuyển tiền qua tài khoản thẻ tháng 06/2024 | | 247.500 | 247.500 | | | |
| 06/11/2024 | | 05/6 | Mua bảo hiểm tài sản | | 9.560.000 | 9.560.000 | | | |
| 12/06/2024 | | 06/6 | Trợ cấp đi học | | 780.000 | 780.000 | | | |
| 25/06/2024 | | 10/6 | Mực máy in | | 1.450.000 | 1.450.000 | | | |
| 25/06/2024 | | | Văn phòng phẩm, giấy in | | 7.412.000 | 7.412.000 | | | |
| 25/06/2024 | | 11/6 | Văn phòng phẩm | | 1.904.000 | 1.904.000 | | | |
| 25/06/2024 | | | Giấy thi, giấy nháp, bì đựng bài thi | | 9.249.999 | 9.249.999 | | | |
| 25/06/2024 | | 12/6 | Giấy thi, giấy nháp, bì đựng bài thi | | 7.550.001 | 7.550.001 | | | |
| 25/06/2024 | | 14/6 | Tiếp khách đoàn kiểm tra | | 3.900.000 | 3.900.000 | | | |
| 25/06/2024 | | 15/6 | Tiếp khách đoàn kiểm tra | | 2.063.360 | 2.063.360 | | | |
| 25/06/2024 | | | Nước uống hội đồng chấm thi TS vào lớp 10 | | 15.200.000 | 15.200.000 | | | |
| 25/06/2024 | | 16/6 | Nước uống hội đồng coi thi TS vào lớp 10 | | 2.400.000 | 2.400.000 | | | |
| 25/06/2024 | | 17/6 | Bồi dưỡng tiết dạy thực hành môn thể dục, QPAN tháng 3,4,5/2024 | | 13.014.000 | 13.014.000 | | | |
| 25/06/2024 | | 18/6 | Mua tập phát thưởng học sinh | | 46.699.200 | 46.699.200 | | | |
| 25/06/2024 | | 07/6 | Bồi dưỡng hội đồng coi thi tuyển sinh vào lớp 10 NH 2024-2025 | | 36.100.000 | 36.100.000 | | | |
| 25/06/2024 | | 08/6 | Bồi dưỡng hội đồng chấm thi TS vào lớp 10 | | 200.310.000 | 200.310.000 | | | |
| 25/06/2024 | | 09/6 | Bồi dưỡng hội đồng chấm phúc khảo TS vào lớp 10 | | 2.960.000 | 2.960.000 | | | |
| 26/06/2024 | | 19/6 | Thuê giáo viên dạy thỉnh giảng | | 8.400.000 | 8.400.000 | | | |
| 26/06/2024 | | 20/6 | Thuê giáo viên dạy thỉnh giảng | | 8.400.000 | 8.400.000 | | | |
| 26/06/2024 | | | Cước điện thoại, cước internet quý 2/2024 | | 6.611.903 | 6.611.903 | | | |
| 29/06/2024 | | | Nhận dự toán bổ sung đợt 2 năm 2024 | 394.600.000 | | | 394.600.000 | | |
| | | | Cộng phát sinh quý 02/2024 | 394.600.000 | 3.425.482.909 | 3.425.482.909 | 394.600.000 | | |
| | | | Lũy kế từ đầu quý 02/2024 | 394.600.000 | 3.425.482.909 | 3.425.482.909 | 394.600.000 | | |
| | | | Lũy kế từ đầu năm 2024 | 15.363.900.000 | 6.476.494.111 | 6.476.494.111 | 15.363.900.000 | | |
| | | | Tồn quỹ cuối quý 02/2024 | | | | | 0 | 11.603.775.660 |

*Cần Đước, ngày 30 tháng 06 năm 2024*

| Thủ quỹ | Kế toán | Hiệu trưởng |
|---|---|---|
| Phan Thị Kim Xuân | Trần Thị Kim Vinh | Nguyễn Tuấn Huy |

*TRƯỜNG THPT CẦN ĐƯỚC*

# THU - CHI HỌC PHÍ QUÝ 02/2024

| NGÀY | SCT | | DIỄN GIẢI | PHẦN THU | | PHẦN CHI | | PHẦN TỒN HP | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | THU | CHI | | HỌC PHÍ | RÚT HP | HỌC PHÍ | NỘP KB | T. MẶT | K. BẠC |
| | | | **SDĐK** | | | | | **92.647** | **1.300.173.875** |
| 02/04/2024 | | 01/4 | Lương hợp đồng bảo vệ tháng 04/2024 | | 11.622.585 | 11.622.585 | | | |
| 02/04/2024 | | 02/4 | Tiền công dọn vệ sinh tháng 03/2024 | | 4.500.000 | 4.500.000 | | | |
| 02/04/2024 | | 03/4 | Tiền công dọn vệ sinh tháng 03/2024 | | 4.500.000 | 4.500.000 | | | |
| 09/04/2024 | | 05/4 | Tiền công sửa điện, thay bóng đèn | | 2.950.000 | 2.950.000 | | | |
| 09/04/2024 | | 06/4 | Khung ảnh triển lãm hội xuân 2024 | | 3.800.000 | 3.800.000 | | | |
| 09/04/2024 | | 07/4 | Cờ tam giác | | 972.000 | 972.000 | | | |
| 09/04/2024 | | 08/4 | Nước uống | | 209.580 | 209.580 | | | |
| 09/04/2024 | | 09/4 | Tiền công vận chuyển, lắp đặt bàn ghế, dọn vệ sinh nhà kho | | 19.000.000 | 19.000.000 | | | |
| 10/4/2024 | | 04/4 | Gia hạn chữ ký số của trường | | 2.912.000 | 2.912.000 | | | |
| 11/04/2024 | | 09/4 | Tiền thưởng học sinh đạt giải hội thao QPAN cấp trường | | 3.730.000 | 3.730.000 | | | |
| 11/04/2024 | | 11/4 | Bồi dưỡng BTC, BGK, Ban ra đề thi hội thao QPAN | | 3.050.000 | 3.050.000 | | | |
| 15/04/2024 | | 12/4 | Khung tiêu đề hội nghị chuyên môn | | 1.120.000 | 1.120.000 | | | |
| 22/04/2024 | | 13/4 | Nước uống phong trào thể thao chào mừng ngày 26/3 | | 359.280 | 359.280 | | | |
| 22/04/2024 | | 15/4 | Bồi dưỡng BTC, BGK giải cầu lông chào mừng ngày 26/3 | | 3.720.000 | 3.720.000 | | | |
| 22/04/2024 | | 01NT/4 | Nộp trả tiền cấp bù học phí HKI NH 2023-2024 theo NQ01/2024/NQ-HĐND | | 265.848.000 | 265.848.000 | | | |
| 23/04/2024 | | 17/4 | Lương hợp đồng bảo vệ tháng 5/2024 | | 11.622.585 | 11.622.585 | | | |
| 25/04/2024 | | 18/4 | Trả lại tiền thu học phí HKI NH 2023-2024 | | 544.428.000 | 544.428.000 | | | |
| 26/04/2024 | | 14/4 | Khung sắt tiêu đề hội thao QPAN cấp trường | | 1.320.000 | 1.320.000 | | | |
| 03/05/2024 | | 01/5 | Tiền công dọn vệ sinh tháng 4/2024 | | 4.500.000 | 4.500.000 | | | |
| 03/05/2024 | | 02/5 | Tiền công dọn vệ sinh tháng 4/2024 | | 4.500.000 | 4.500.000 | | | |
| 05/06/2024 | | 01/6 | Lương hợp đồng bảo vệ tháng 06/2024 | | 11.622.585 | 11.622.585 | | | |
| 05/06/2024 | | 02/6 | Tiền công dọn vệ sinh tháng 05/2024 | | 4.500.000 | 4.500.000 | | | |
| 05/06/2024 | | 03/6 | Tiền công dọn vệ sinh tháng 05/2024 | | 4.500.000 | 4.500.000 | | | |
| 05/06/2024 | | | Cước bưu chính tháng 4,5/2024 | | | 79.212 | | | |
| | | | Cộng phát sinh quý 02/2024 | 0 | 915.286.615 | 915.365.827 | 0 | | |
| | | | Lũy kế từ đầu quý 02/2024 | 0 | 915.286.615 | 915.365.827 | 0 | | |
| | | | Lũy kế từ đầu năm 2024 | 699.000.000 | 970.554.370 | 970.813.653 | 699.000.000 | | |
| | | | Tồn quỹ cuối quý 02/2024 | | | | | **13.435** | **384.887.260** |

*Cần Đước, ngày 30 tháng 06 năm 2024*

| Kế toán | Thủ quỹ | Hiệu trưởng |
|---|---|---|
| Trần Thị Kim Vinh | Phan Thị Kim Xuân | Nguyễn Tuấn Huy |

*TRƯỜNG THPT CẦN ĐƯỚC*

# THU - CHI DẠY THÊM HỌC THÊM QUÝ 02 NĂM 2024

| NGÀY | SCT | | DIỄN GIẢI | PHẦN THU | | PHẦN CHI | | PHẦN TỒN DTHT | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | THU | CHI | | DTHT | RÚT DTHT | DTHT | NỘP NH | T. MẶT | K. BẠC |
| | | | **SDĐK** | | | | | **2.245.180** | **392.952.340** |
| 05/06/2024 | | 01 | Thu tiền DTHT đợt 3 NH 2023-2024 | 342.684.000 | | | 342.684.000 | | |
| 05/06/2024 | | 02 | Chi tiền DTHT đợt 3 NH 2023-2024 | | 230.400.000 | 230.400.000 | | | |
| 05/06/2024 | | 03 | Chi tiền QLP đợt 3 NH 2023-2024 | | 33.440.000 | 33.440.000 | | | |
| 05/06/2024 | | 04 | Nộp thuế đợt 3 NH 2023-2024 | | 6.853.680 | 6.853.680 | | | |
| 05/06/2024 | | 05 | Chi tiền DTHT đợt 3 NH 2023-2024 | | 38.448.000 | 38.448.000 | | | |
| 24/06/2024 | | 06 | Thu tiền DTHT đợt 4 NH 2023-2024 | 181.728.000 | | | 181.728.000 | | |
| 24/06/2024 | | 07 | Chi tiền DTHT đợt 4 NH 2023-2024 | | 122.880.000 | 122.880.000 | | | |
| 24/06/2024 | | 08 | Chi tiền QLP đợt 4 NH 2023-2024 | | 17.760.000 | 17.760.000 | | | |
| 24/06/2024 | | 09 | Nộp thuế đợt 4 NH 2023-2024 | | 3.634.560 | 3.634.560 | | | |
| | | | Cộng phát sinh quý 02/2024 | 524.412.000 | 453.416.240 | 453.416.240 | 524.412.000 | | |
| | | | Lũy kế từ đầu quý 02/2024 | 524.412.000 | 453.416.240 | 453.416.240 | 524.412.000 | | |
| | | | Lũy kế từ đầu năm 2024 | 696.294.000 | 610.424.440 | 610.424.440 | 696.294.000 | | |
| | | | Tồn quỹ cuối quý 02/2024 | | | | | **2.245.180** | **463.948.100** |

*Cần Đước , ngày 05 tháng 07 năm 2024*

| Kế toán | Thủ quỹ | Hiệu trưởng |
|---|---|---|
| Trần Thị Kim Vinh | Phan Thị Kim Xuân | Nguyễn Tuấn Huy |

*TRƯỜNG THPT CẦN ĐƯỚC*

# THU - CHI DẠY THÊM HỌC THÊM QUÝ 2 NĂM 2024 CLC

| NGÀY | SCT | | DIỄN GIẢI | PHẦN THU | | PHẦN CHI | | PHẦN TỒN DTHT | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | THU | CHI | | DTHT | RÚT DTHT | DTHT | NỘP NH | T. MẶT | K. BẠC |
| | | | **SDĐK** | | | | | **0** | **4.185.566** |
| 05/05/2024 | | | Tiền điện tháng 04/2024 | | 12.689.762 | 12.689.762 | | | |
| 04/06/2024 | | | Tiền điện tháng 05/2024 | | 11.528.741 | 11.528.741 | | | |
| 05/06/2024 | | | Thu tiền DTHT đợt 3 NH 2023-2024 | 340.213.750 | | | 340.213.750 | | |
| 05/06/2024 | | | Chi tiền DTHT đợt 3 NH 2023-2024 | | 230.688.000 | 230.688.000 | | | |
| 05/06/2024 | | | Chi tiền QLP đợt 3 NH 2023-2024 | | 33.280.000 | 33.280.000 | | | |
| 05/06/2024 | | | Nộp thuế đợt 3 NH 2023-2024 | | 6.804.275 | 6.804.275 | | | |
| 24/06/2024 | | | Thu tiền DTHT đợt 4 NH 2023-2024 | 84.780.000 | | | 84.780.000 | | |
| 24/06/2024 | | | Chi tiền DTHT đợt 4 NH 2023-2024 | | 65.504.000 | 65.504.000 | | | |
| 24/06/2024 | | | Chi tiền QLP đợt 4 NH 2023-2024 | | 8.160.000 | 8.160.000 | | | |
| 24/06/2024 | | | Nộp thuế đợt 4 NH 2023-2024 | | 1.695.600 | 1.695.600 | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh quý 02/2024 | 424.993.750 | 370.350.378 | 370.350.378 | 424.993.750 | | |
| | | | Lũy kế từ đầu quý 02/2024 | 424.993.750 | 370.350.378 | 370.350.378 | 424.993.750 | | |
| | | | Lũy kế từ đầu năm 2024 | 612.148.750 | 553.319.812 | 553.319.812 | 612.148.750 | | |
| | | | Tồn quỹ cuối quý 02/2024 | | | | | **0** | **58.828.938** |

*Cần Đước, ngày 05 tháng 07 năm 2024*

| Kế toán | Thủ quỹ | Hiệu trưởng |
|---|---|---|
| Trần Thị Kim Vinh | Phan Thị Kim Xuân | Nguyễn Tuấn Huy |